TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2023/DS-ST
Ngày 21 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Đào Việt Khái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2023/TLST- DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 543/2023/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 26/7/2023 cùng các văn bản kèm theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị H thống nhất thỏa thuận vay tài sản với nhau. Theo đó bà M cho bà H vay 03 lần với số tiền là 16.000.000 đồng. Lần 1 bà H vay với số tiền là 6.000.000 đồng vào ngày 29/10/2021. Lần 2 bà H vay với số tiền là 4.000.000 đồng vào ngày 30/11/2021. Lần 3 bà H vay với số tiền là 6.000.000 đồng vào ngày 06/01/2022. 03 khoản vay này hai bên thỏa thuận thống nhất lãi suất 01 ngày là 3.000 đồng/01 triệu. Khi vay vào ngày 20/10/2021 và ngày 30/11/2021 hai bên không có làm chứng từ cho vay, hai bên chỉ nói miệng và trao tiền qua tay. Đến ngày 06/01/2022 thì bà H ký nhận nợ lần 01 vay vào ngày 29/10/2021 với số tiền 10.000.000 đồng và lần 02 vay vào ngày 06/01/2022 với số tiền 6.000.000 đồng. Thời gian vào tháng 6 năm 2022 bà H

có trả cho bà 2.000.000 đồng tiền vốn, tháng 7 năm 2022 bà H trả cho bà thêm 2.000.000 đồng tiền vốn và tháng 8 năm 2022 bà H tiếp tục trả cho bà 2.000.000 đồng tiền vốn. Tổng cộng là 6.000.000 đồng và còn lại là 10.000.000 đồng. Tại buổi hòa giải ở ấp Cái Đôi, xã Phú Tân lập ngày 28/11/2022 bà thống nhất cho bà H 3.000.000 đồng, còn lại 7.000.000 đồng.

Từ khi thống nhất thỏa thuận đến nay thì bà H chưa trả tiền cho bà. Bà M có yêu cầu bà H trả số tiền trên nhưng bà H vẫn không thực hiện. Bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà M với số tiền nợ là 7.000.000 đồng, bà M không yêu cầu tính lãi suất.

Do công việc làm ăn xa nên việc đi lại khó khăn, bà Nguyễn Thị M yêu cầu không mở phiên hòa giải, xin vắng mặt tham gia tố tụng và không có ý kiến gì khác.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị H đúng quy định pháp luật. Nhưng bà Nguyễn Thị H vắng mặt và không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị M với bà Nguyễn Thị H được xác định là "Hợp đồng vay tài sản" là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại huyện Phú Tân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ được quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị M xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Bà Nguyễn Thị H được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng bà Nguyễn Thị H không cung cấp chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

Bà Nguyễn Thị M xác định giữa bà M và bà Nguyễn Thị H có thỏa thuận vay tiền cụ thể là vào ngày 29/10/2021, ngày 30/11/2021 và 06/01/2022 bà Nguyễn Thị H có hỏi vay của bà M với số tiền là 16.000.000 đồng. Quá trình vay tiền thì bà H có ký biên nhận nợ. Bà Nguyễn Thị H có vay tiền của bà Nguyễn Thị M là thực tế xảy ra. Vì bà H đã thừa nhận và thống nhất trả số tiền trên cho bà Mau với số tiền 10.000.000 đồng, bà M thống nhất cho bà H 3.000.000 đồng còn lại là 7.000.000 đồng, bà H trả làm 03 lần, tháng đầu trả 2.000.000 đồng, tháng tiếp theo trả 2.000.000 đồng và tháng cuối cùng trả 3.000.000 đồng là hết nợ, thời gian trả bắt đầu từ mừng 9 tết, tức là ngày 09/01/2023 âm lịch. Tuy nhiên bà H không thực hiện trả nợ. Phía bà M đã nhiều lần yêu cầu bà H thực hiện việc trả nợ nhưng bà H

vẫn không thanh toán cho bà M. Bà M có cung cấp một Giấy nhận tiền không đề ngày do bà H ký tên có nội dung bà H có vay tiền và nhận tiền đúng như bà M trình bày. Đối với bà Nguyễn Thị H không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do bà Nguyễn Thị M cung cấp, bà Nguyễn Thị H cũng không có yêu cầu phản tố. Mặc khác, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà M. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M về việc yêu cầu bà H trả số tiền 7.000.000 đồng. Từ đó buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền còn nợ là 7.000.000 đồng là có cơ sở.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nay buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26; 35; 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị M. Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 350.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị M đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền số 0019117 ngày 28/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay hoàn lại toàn bộ cho bà Nguyễn Thị M.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Ngọc Trọng